

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2021/HS-ST
Ngày 15 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ân;
Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 271/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 244/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021, đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1997 tại Thái Bình; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T3, ấp A, xã B, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa;

2. Anh Lê Văn H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp A, xã T4, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa;

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Trung N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T3, ấp A, xã B, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào khoảng 17 giờ ngày 08/6/2021 Nguyễn Văn Đ nhận được điện thoại của anh Nguyễn Văn H là nhân viên giao hàng của Công ty 247 thông báo có 01 đơn hàng giao cho anh Đ và đã được thanh toán tiền. Mặc dù Đ không đặt mua hàng, nhưng khi nghe vậy Đ đã nhờ bạn là anh Phạm Trung N chở đến công Chợ S thuộc ấp S, xã B, huyện T2, tỉnh Đồng Nai để nhận hàng. Sau khi gặp, anh H kiểm tra thông tin của Đ rồi giao cho Đ 01 điện thoại Apple Iphone 12 ProMax. Sau khi nhận điện thoại Apple Iphone 12 ProMax do anh H giao thì Đ nhờ anh N chở về nhà, ngày 09/6/2021 Đ mang điện thoại Apple Iphone 12 ProMax đến tiệm mua, bán điện thoại "T" ở ấp A, xã B, huyện T2, tỉnh Đồng Nai do anh Nguyễn Văn P làm chủ cầm cố được số tiền 20.000.000 đồng, Đ trả nợ hết số tiền 2.500.000 đồng, còn lại số tiền 17.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 16/06/2021, Công ty 247 đã phát hiện anh H giao nhầm điện thoại nói trên, anh H đã gọi điện thoại cho Đ và yêu cầu trả lại điện thoại nói trên cho Công ty, nhưng Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh H, nên nói với anh H là đã mang đi cầm cố với số tiền 3.000.000 đồng và nói dối không có tiền chuộc lại, đồng thời Đ yêu cầu anh H chuyển tiền để chuộc lại điện thoại, anh H tưởng thật nên chuyển khoản cho Đ số tiền 2.000.000 đồng, sau khi nhận được 2.000.000 đồng, Đ đã tắt điện thoại không cho anh H liên lạc.

Bị mất tài sản, ngày 21/06/2021 anh Nguyễn Văn H đến Công an xã B tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn Đ, Công an xã B đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bom giải quyết theo thẩm quyền (Bút lục số: 30-32, 43-57, 61-68, 70-83, 85-88, 91-109).

2. Định giá tài sản:

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12

ProMax 128Gb, màu xám đen, mới 100% trị giá 27.200.000 đồng (Bút lục số: 13-15).

3. *Vật chứng*: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 ProMax 128Gb, màu xám đen (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại cho anh H, bút lục 110 - 111).

5. *Về bồi thường dân sự*:

Bị hại anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); bị cáo đồng ý với yêu cầu của anh H và anh P.

6. *Truy tố*: Tại bản Cáo trạng số: 276/CT-VKS-TB ngày 15 tháng 11 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo Khoản 1, Điều 176 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

7. *Trình bày của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng tại phiên tòa*:

7.1 *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị*:

- Áp dụng khoản 1 Điều 176; khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”;

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho anh H và trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho anh P;

- Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

7.2 *Bị cáo và người tham gia tố tụng trình bày*:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh P vẫn giữ nguyên ý kiến và lời khai trong quá trình điều tra và truy tố;

- Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Tố tụng*:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H1 vắng mặt nhưng đã cung cấp đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự; người làm chứng anh Phạm Trung N vắng mặt nhưng đã cung cấp đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra; Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, đã có đủ căn cứ để kết luận, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại anh Nguyễn Văn H; bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi chiếm giữ trái phép 01 điện thoại di động hiệu Apple iphone 12 promax trị giá 27.200.000 đồng (*hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*); sau đó, lại tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền nên đưa ra thông tin gian dối, yêu cầu anh H chuyển tiền để chuộc lại điện thoại; Sau khi nhận được số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) của anh H; Đ đã tắt điện thoại không cho anh H liên lạc. Hành vi của Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1, Điều 174 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thuộc trường hợp được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt:

Hành vi của Nguyễn Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh

hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi chiếm giữ trái phép tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện thêm hành vi phạm tội thể hiện sự xem thường pháp luật; Do đó, cần áp dụng một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án;

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax 128Gb, màu xám đen cho anh H là phù hợp.

[5] Về dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đã chiếm đoạt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) mà anh P đã đưa cho bị cáo khi cầm cố điện thoại; Xét yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận thấy: Ngày 16/6/2021, anh H đã chuyển cho Đ số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) để đi chuộc điện thoại về trả lại cho anh H, sau khi nhận được tiền Đ đã không chuộc điện thoại như đã hứa mà chặn liên lạc với anh H và chiếm đoạt 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) của anh H; Số tiền này là tài sản hợp pháp của anh H nên Đ phải hoàn trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật; Ngoài ra, bị cáo đã dùng tài sản không thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình đi cầm cố mà không được sự đồng ý của người quản lý tài sản, anh P không biết tài sản Đ dùng để cầm cố là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, giao dịch giữa các bên là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật; các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; Yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận; buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh H 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) và hoàn trả cho anh P 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*);

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với các nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 176; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 131, Điều 357, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phong có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày

tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- NLQ;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Thùy Trinh